CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2018/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2018*

DỰ THẢO LẦN 2

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

2. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực du lịch không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các nghị định khác của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Hộ kinh doanh vi phạm các quy định của Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.

3. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch theo Nghị định này bao gồm:

a) Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;

b) Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài;

c) Hợp tác xã, liên minh hợp tác xã;

d) Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam;

đ) Tổ chức khác là pháp nhân theo quy định của pháp luật dân sự hoặc được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính

1. Các hình thức xử phạt chính

Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Các hình thức xử phạt bổ sung

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành; thẻ hướng dẫn viên du lịch; quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch; quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; quyết định công nhận khu du lịch, điểm du lịch và biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng;

c) Tịch thu tang vật là giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành giả; thẻ hướng dẫn viên du lịch giả, biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch giả để vi phạm hành chính.

Điều 4. Các biện pháp khắc phục hậu quả

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt quy định tại Điều 3 Nghị định này còn có thể bị áp dụng một hoặc một số biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

1. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm;

2. Buộc gắn biển công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch, biển hiệu đạt chuẩn phục vụ khách du lịch đúng quy định;

3. Buộc bồi thường thiệt hại cho khách du lịch;

4. Buộc gắn thiết bị giám sát hành trình theo quy định;

5. Buộc lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động - AIS khi hoạt động trên tuyến từ bờ ra đảo hoặc giữa các đảo theo quy định;

6. Buộc nộp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, thẻ hướng dẫn viên du lịch, quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, quyết định công nhận điểm du lịch, quyết định công nhận khu du lịch, biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch.

Điều 5. Mức phạt tiền trong lĩnh vực du lịch

1. Mức phạt tiền tối đa đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch là 50.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền quy định tại các điểm d, đ, e và g Khoản 6 Điều 6; các điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 và 19 Nghị định này là áp dụng đối với cá nhân.

Mức phạt tiền quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, các điểm a, b và c Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8, Khoản 9 Điều 6 Nghị định này là áp dụng đối với tổ chức.

Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 (hai) lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

3. Thẩm quyền xử phạt của các chức danh quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân đối với chức danh đó.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 6. Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ lữ hành

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không hướng dẫn, cung cấp cho bên nhận đại lý lữ hành thông tin liên quan đến chương trình du lịch;

b) Không cung cấp thông tin về chương trình, dịch vụ, điểm đến du lịch cho khách du lịch;

c) Không phổ biến, hướng dẫn khách du lịch tuân thủ pháp luật, quy định của nơi đến du lịch;

d) Không phổ biến, hướng dẫn khách du lịch ứng xử văn minh, tôn trọng bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán của Việt Nam và nơi đến du lịch;

đ) Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành theo quy định;

e) Không gửi hồ sơ về người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành thay thế theo quy định;

g) Không thông báo kịp thời cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về tai nạn hoặc rủi ro, sự cố xảy ra với khách du lịch;

h) Không hoạt động đúng địa chỉ đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng chế độ lưu giữ hồ sơ theo quy định;

c) Không phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật của khách du lịch trong thời gian tham gia chương trình du lịch;

d) Không cảnh báo nguy cơ gây nguy hiểm cho khách du lịch;

đ) Không thông báo, chỉ dẫn kịp thời cho khách du lịch trong trường hợp khẩn cấp;

e) Không phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cứu hộ, cứu nạn cho khách du lịch;

g) Không tổ chức tiếp nhận và giải quyết kịp thời kiến nghị của khách du lịch trong phạm vi quản lý;

h) Không sử dụng dịch vụ do tổ chức, cá nhân thuộc Danh mục tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn cho khách du lịch theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành không bảo đảm điều kiện theo quy định;

b) Sử dụng hướng dẫn viên du lịch quốc tế, hướng dẫn viên du lịch nội địa không có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch hoặc không là hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp về hướng dẫn du lịch theo quy định;

c) Sử dụng hướng dẫn viên du lịch dùng thẻ hướng dẫn viên du lịch hết hạn để hướng dẫn cho khách du lịch;

d) Sử dụng hướng dẫn viên du lịch để hướng dẫn cho khách du lịch không đúng phạm vi hành nghề của hướng dẫn viên du lịch;

đ) Sử dụng hướng dẫn viên du lịch để thực hiện chương trình du lịch mà không có hợp đồng hướng dẫn hoặc văn bản phân công hướng dẫn theo quy định;

e) Không có hợp đồng lữ hành bằng văn bản với doanh nghiệp, khách du lịch hoặc đại diện của khách du lịch theo quy định;

g) Hợp đồng lữ hành thiếu một trong các nội dung theo quy định;

h) Không có chương trình du lịch bằng văn bản theo quy định;

i) Không có hợp đồng đại lý lữ hành bằng văn bản với đại lý lữ hành theo quy định;

k) Hợp đồng đại lý lữ hành thiếu một trong các nội dung theo quy định;

l) Không kiểm tra, giám sát việc thực hiện hợp đồng của bên nhận đại lý lữ hành;

m) Không tổ chức thực hiện chương trình du lịch do bên nhận đại lý lữ hành bán;

n) Kê khai không trung thực các giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng người không có thẻ hướng dẫn viên du lịch để hướng dẫn cho khách du lịch;

b) Sử dụng người sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch giả để hướng dẫn cho khách du lịch;

c) Sử dụng người nước ngoài hoạt động hướng dẫn du lịch tại Việt Nam;

d) Không thực hiện đúng quy định về ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành;

đ) Không bổ sung đủ số tiền ký quỹ đã sử dụng theo quy định;

e) Không công khai tên doanh nghiệp, số giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành trên biển hiệu tại trụ sở, chi nhánh, văn phòng giao dịch, trong hợp đồng lữ hành, trên ấn phẩm quảng cáo và trong giao dịch điện tử;

g) Không viết hoặc không gắn tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không áp dụng biện pháp cần thiết, đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản của khách du lịch;

b) Không mua bảo hiểm cho khách du lịch trong thời gian thực hiện chương trình du lịch theo quy định.

c) Không sử dụng hướng dẫn viên du lịch để hướng dẫn cho khách du lịch theo hợp đồng lữ hành.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Không quản lý khách du lịch theo chương trình du lịch đã thỏa thuận với khách du lịch;

b) Không làm thủ tục đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành theo quy định;

c) Sử dụng tên doanh nghiệp, tên giao dịch, tên viết tắt không đúng với tên đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoạt động kinh doanh;

d) Hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành mà không có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;

đ) Sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp khác để hoạt động kinh doanh;

e) Người nước ngoài nhập cảnh hoạt động du lịch tại Việt Nam mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Người nước ngoài nhập cảnh hoạt động du lịch không đúng mục đích, chương trình đã đề nghị xin cấp thẻ tạm trú, thẻ thường trú.

7. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Kinh doanh dịch vụ lữ hành sau khi đã thông báo tạm ngừng hoặc chấm dứt hoạt động;

b) Kinh doanh dịch vụ lữ hành sau khi bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tước giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành;

c) Kinh doanh dịch vụ lữ hành sau khi bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

8. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Phân biệt đối xử với khách du lịch;

b) Thu lợi bất hợp pháp từ khách du lịch;

c) Tranh giành khách du lịch, nài ép khách du lịch mua hàng hóa, dịch vụ;

d) Lợi dụng hoạt động du lịch để đưa người từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài vào Việt Nam trái pháp luật.

9. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành không đúng phạm vi kinh doanh dịch vụ lữ hành ghi trong giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;

b) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp để hoạt động kinh doanh;

c) Sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành giả để hoạt động kinh doanh.

10. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, d và đ Khoản 4, điểm a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành từ 12 tháng đến 18 tháng đối với hành vi kinh doanh dịch vụ lữ hành sau khi đã thông báo tạm dừng quy định tại điểm a Khoản 7 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành từ 18 tháng đến 24 tháng đối với hành vi sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành của doanh nghiệp khác để hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quy định tại điểm đ Khoản 6, hành vi quy định tại điểm a và điểm b Khoản 9 Điều này;

d) Tịch thu tang vật đối với hành vi quy định tại điểm c Khoản 9 Điều này.

11. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc bồi thường thiệt hại cho khách du lịch do thực hiện hành vi quy định tại điểm b Khoản 5 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại các điểm d, đ, e và g Khoản 6; điểm b và điểm c Khoản 8 Điều này;

c) Buộc nộp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành đối với hành vi quy định tại điểm n Khoản 3 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về kinh doanh đại lý lữ hành

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không treo biển đại lý lữ hành tại vị trí dễ nhận biết tại trụ sở đại lý;

b) Không lập và lưu giữ hồ sơ về chương trình du lịch đã bán cho khách du lịch theo quy định;

c) Không thông báo cho cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh, địa điểm kinh doanh, thông tin về doanh nghiệp giao đại lý lữ hành.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán chương trình du lịch không đúng nội dung trong hợp đồng đại lý lữ hành;

b) Hợp đồng đại lý lữ hành thiếu một trong các nội dung theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đăng ký kinh doanh đại lý lữ hành tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không có hợp đồng đại lý lữ hành bằng văn bản với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành theo quy định;

c) Tổ chức thực hiện chương trình du lịch của bên giao đại lý lữ hành đối với doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm a Khoản 2 và các điểm a và c Khoản 3 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về hướng dẫn du lịch

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không đeo thẻ hướng dẫn viên du lịch trong khi hành nghề hướng dẫn du lịch.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không mang theo giấy tờ phân công nhiệm vụ của doanh nghiệp tổ chức chương trình du lịch trong khi hành nghề;

b) Không mang theo chương trình du lịch trong khi hành nghề theo quy định;

c) Không hướng dẫn khách du lịch tuân thủ pháp luật Việt Nam, pháp luật nơi đến du lịch, nội quy nơi đến tham quan, tôn trọng phong tục, tập quán của địa phương;

d) Không thông tin cho khách du lịch về chương trình du lịch, dịch vụ và các quyền, lợi ích hợp pháp của khách du lịch.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không hướng dẫn khách du lịch theo nhiệm vụ được giao hoặc theo hợp đồng hướng dẫn;

b) Không hướng dẫn khách du lịch theo đúng chương trình du lịch;

c) Không báo cáo người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành quyết định thay đổi chương trình du lịch trong trường hợp khách du lịch có yêu cầu;

d) Cho cá nhân khác sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch để hành nghề;

đ) Kê khai không trung thực hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch hoặc không là hội viên của tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định khi hành nghề đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế và hướng dẫn viên du lịch nội địa;

b) Không có hợp đồng hướng dẫn với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc không có văn bản phân công hướng dẫn theo chương trình du lịch theo quy định;

c) Không có phân công của tổ chức, cá nhân quản lý khu du lịch, điểm du lịch đối với hướng dẫn viên du lịch tại điểm;

d) Không hỗ trợ trong việc bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản của khách du lịch;

đ) Sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch hết hạn để hành nghề.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có thẻ hướng dẫn viên du lịch khi hành nghề;

b) Hoạt động hướng dẫn du lịch không đúng phạm vi hành nghề của hướng dẫn viên du lịch theo quy định.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Người nước ngoài hoạt động hướng dẫn du lịch tại Việt Nam;

b) Phân biệt đối xử với khách du lịch;

c) Thu lợi bất hợp pháp từ khách du lịch;

d) Tranh giành khách du lịch, nài ép khách du lịch mua hàng hóa, dịch vụ;

đ) Sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch giả để hành nghề.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch trong thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm b Khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng thẻ hướng dẫn viên du lịch trong thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm b, c và d Khoản 6 Điều này;

c) Tịch thu tang vật đối với hành vi quy định tại điểm d Khoản 3, điểm e Khoản 4, điểm đ Khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại Khoản 5; các điểm a, c và đ Khoản 6 Điều này;

b) Buộc nộp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch đối với hành vi quy định tại điểm đ Khoản 3 Điều này.

Điều 9. Vi phạm quy định chung về kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo bằng văn bản tới cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh nơi có cơ sở lưu trú du lịch trước khi đi vào hoạt động chậm nhất 15 ngày;

b) Thông báo không đầy đủ các nội dung theo quy định tới cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh nơi có cơ sở lưu trú du lịch trước khi đi vào hoạt động chậm nhất 15 ngày;

c) Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi tên cơ sở lưu trú du lịch theo quy định;

d) Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi quy mô cơ sở lưu trú du lịch theo quy định;

đ) Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi địa chỉ cơ sở lưu trú du lịch theo quy định;

e) Không thông báo bằng văn bản về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của cơ sở lưu trú du lịch theo quy định;

g) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cảnh báo nguy cơ gây nguy hiểm cho khách du lịch;

b) Không thông báo, chỉ dẫn kịp thời cho khách du lịch trong trường hợp khẩn cấp;

c) Không niêm yết công khai nội quy của cơ sở lưu trú du lịch;

d) Không niêm yết công khai giá bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định;

đ) Không tổ chức tiếp nhận, giải quyết kiến nghị của khách du lịch trong phạm vi quản lý.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không áp dụng biện pháp cần thiết, bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản của khách du lịch;

b) Không phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cứu hộ, cứu nạn cho khách du lịch.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Từ chối tiếp nhận khách du lịch trái quy định của pháp luật;

b) Hủy bỏ hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với khách du lịch trái quy định của pháp luật.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch sau khi đã thông báo tạm dừng, chấm dứt hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động kinh doanh.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi không bảo đảm điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch, trừ các trường hợp quy định tại Điều 10 Nghị định này.

7. Quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này cũng được áp dụng đối với nhà khách, nhà nghỉ của cơ quan nhà nước có hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại Khoản 5 Điều này.

Điều 10. Vi phạm quy định về điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ lưu trú du lịch

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo bằng văn bản tới cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh về việc bổ sung, hoàn thiện đáp ứng điều kiện tối thiểu hoặc thay đổi loại hình cơ sở lưu trú du lịch theo quy định;

b) Không có giường, đệm, chiếu, chăn, gối, khăn mặt, khăn tắm theo quy định;

c) Không thay bọc đệm, chiếu, bọc chăn, bọc gối, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới;

d) Không có áo phao, phao cứu sinh đối với tàu thủy lưu trú du lịch theo quy định; (đang xem xét đề nghị sửa đổi)

đ) Không có phương tiện thông tin liên lạc đối với tàu thủy lưu trú du lịch theo quy định; (đang xem xét đề nghị sửa đổi)

e) Không có tủ thuốc cấp cứu ban đầu đối với tàu thủy lưu trú du lịch, bãi cắm trại du lịch theo quy định; (đang xem xét đề nghị sửa đổi)

g) Không có dụng cụ, trang thiết bị dựng lều trại theo quy định. (đang xem xét đề nghị sửa đổi)

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có hệ thống điện, chiếu sáng theo quy định; (đang xem xét đề nghị sửa đổi)

b) Không có nước sạch, hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước theo quy định; (đang xem xét đề nghị sửa đổi)

c) Không có tối thiểu 10 buồng ngủ đối với khách sạn; không có phòng ngủ đối với biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch, nhà nghỉ du lịch; không có khu vực lưu trú cho khách đối với nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê; không có khu vực dựng lều*, trại* đối với bãi cắm trại du lịch;

d) Không có quầy lễ tân đối với khách sạn; khu vực đón tiếp khách đối với biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch, nhà nghỉ du lịch, bãi cắm trại du lịch theo quy định;

đ) Không có phòng vệ sinh theo quy định;

e) Không có nơi để xe cho khách đối với khách sạn nghỉ dưỡng và khách sạn bên đường, bãi cắm trại du lịch theo quy định; (đang xem xét đề nghị sửa đổi)

g) Không có bếp, phòng ăn và dịch vụ phục vụ ăn uống đối với khách sạn nghỉ dưỡng, khách sạn nổi, khách sạn bên đường, tàu thủy lưu trú du lịch; không có bếp đối với biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê theo quy định;

h) Không có nhân viên trực 24 giờ mỗi ngày đối với khách sạn, biệt thự du lịch, nhà nghỉ du lịch*, bãi cắm trại du lịch;* không có nhân viên bảo vệ trực khi có khách đối với bãi cắm trại du lịch theo quy định; (đang xem xét đề nghị sửa đổi)

i) Không đảm bảo tiêu chuẩn người quản lý và nhân viên khách sạn, người quản lý căn hộ, người quản lý và nhân viên phục vụ trên tàu thủy lưu trú du lịch, người quản lý và nhân viên nhà nghỉ du lịch, chủ nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê theo quy định. (đang xem xét đề nghị sửa đổi)

3. Các quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này cũng được áp dụng đối với nhà khách, nhà nghỉ của cơ quan nhà nước có hoạt động kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm *a, b,* c, đ và g Khoản 2 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch đối với cơ sở lưu trú đã được công nhận hạng

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không gắn biển công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch ở khu vực cửa chính của cơ sở lưu trú du lịch.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không gắn biển công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch sau khi được xếp hạng.

b) Kê khai không trung thực hồ sơ đăng ký công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy định về mẫu biển công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch;

b) Không bảo đảm số lượng, diện tích buồng ngủ theo tiêu chuẩn tương ứng với từng loại, hạng cơ sở lưu trú du lịch theo quy định;

c) Không bảo đảm tiêu chuẩn về nơi để xe và giao thông nội bộ, khu vực sảnh đón tiếp theo quy định;

d) Không bảo đảm số lượng, tiêu chuẩn nhà hàng, quầy bar theo quy định;

đ) Không bảo đảm tiêu chuẩn khu vực bếp theo quy định;

e) Không bảo đảm số lượng, tiêu chuẩn phòng hội nghị, hội thảo, phòng họp theo quy định;

g) Không bảo đảm tiêu chuẩn trang thiết bị, tiện nghi khác theo quy định;

h) Không bảo đảm tiêu chuẩn về dịch vụ theo quy định;

i) Không bảo đảm tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ của người quản lý và nhân viên phục vụ theo quy định. (đang xem xét đề nghị sửa đổi)

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h *và i* Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gắn biển công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch đúng quy định đối với hành vi quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch đối với hành vi quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ du lịch khác

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không cảnh báo nguy cơ gây nguy hiểm cho khách du lịch;

b) Không thông báo, chỉ dẫn kịp thời cho khách du lịch trong trường hợp khẩn cấp;

c) Không phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cứu hộ, cứu nạn cho khách du lịch;

d) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

đ) Không tổ chức tiếp nhận, giải quyết kiến nghị của khách du lịch trong phạm vi quản lý.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông tin rõ ràng về nguồn gốc và chất lượng hàng hóa;

b) Không niêm yết giá theo quy định;

c) Không bán đúng giá niêm yết;

d) Không nhận thanh toán bằng thẻ do ngân hàng phát hành;

đ) Không đảm bảo tiêu chuẩn nhân viên theo quy định;

e) Không có thực đơn theo quy định;

g) Không có nội quy, quy trình theo quy định;

h) Không có nơi đón tiếp, nơi gửi đồ dùng cá nhân và phòng tắm cho khách theo quy định;

i) Không có dịch vụ cho thuê dụng cụ tập luyện, thi đấu phù hợp với từng môn thể thao theo quy định;

k) Kê khai không trung thực hồ sơ đăng ký công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có nhà vệ sinh đảm bảo quy định;

b) Không đảm bảo khu vực phòng ăn, dụng cụ phục vụ ăn uống theo quy định;

c) Không đảm bảo khu vực bếp theo quy định;

d) Không có nhân viên y tế, kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ phù hợp với từng dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo quy định.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi treo biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch khi chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

5. Vi phạm quy định về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện, nhân viên chuyên môn trong cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao, cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí, cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe thì xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 3 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tháo dỡ biển hiệu đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với hành vi quy định tại Khoản 4 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định tại điểm c Khoản 2 Điều này;

c) Buộc nộp lại quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đối với hành vi quy định tại điểm k Khoản 2 Điều này.

Điều 13. Vi phạm quy định về nghĩa vụ của khách du lịch

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi không thực hiện nội quy, quy định của khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở cung cấp dịch vụ du lịch.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không ứng xử văn minh, không tôn trọng phong tục, tập quán, bản sắc văn hóa địa phương nơi đến du lịch;

b) Không thanh toán tiền dịch vụ theo hợp đồng, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi gây phương hại đến hình ảnh quốc gia, truyền thống văn hóa dân tộc của Việt Nam.

Điều 14. Vi phạm quy định về kinh doanh sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh nơi tổ chức kinh doanh sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch chậm nhất 15 ngày trước khi bắt đầu kinh doanh;

b) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không có cảnh báo, chỉ dẫn về điều kiện khí hậu, thời tiết, sức khỏe và các yếu tố liên quan khi cung cấp các sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có phương án cứu hộ, cứu nạn theo quy định;

b) Không bố trí lực lượng cứu hộ khách du lịch theo quy định;

c) Không can thiệp, xử lý, ứng cứu kịp thời các sự cố, tai nạn, rủi ro xảy ra;

d) Không duy trì, bảo đảm thông tin liên lạc với khách du lịch trong suốt thời gian cung cấp sản phẩm.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không phổ biến các quy định về bảo vệ an toàn cho khách du lịch;

b) Không hướng dẫn các thao tác kỹ thuật cho khách du lịch trước khi cung cấp sản phẩm du lịch.

5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không bố trí, sử dụng huấn luyện viên, kỹ thuật viên, hướng dẫn viên có chuyên môn phù hợp theo quy định;

b) Không cung cấp, hướng dẫn sử dụng và giám sát việc sử dụng trang thiết bị, dụng cụ hỗ trợ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, bảo đảm an toàn cho khách du lịch;

c) Không hoàn thiện, bổ sung các biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định khi cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh yêu cầu.

6. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục kinh doanh sau khi cơ quan chuyên môn về du lịch cấp tỉnh yêu cầu hoàn thiện, bổ sung các biện pháp bảo đảm an toàn theo quy định.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm b và c Khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại các khoản 5 và 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi quy định định tại Khoản 6 Điều này.

Điều 15. Vi phạm quy định về quản lý điểm du lịch

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có biển chỉ dẫn, thuyết minh về điểm du lịch;

b) Không công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức, cá nhân quản lý điểm du lịch;

c) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có hình thức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của khách du lịch.

b) Không giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch;

c) Không có nhà vệ sinh công cộng theo quy định;

d) Không có bộ phận bảo vệ trực 24 giờ mỗi ngày;

đ) Không tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch đến tham quan;

e) Không quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch trong phạm vi quản lý;

g) Kê khai không trung thực hồ sơ đề nghị công nhận điểm du lịch.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có kết nối giao thông, thông tin liên lạc thuận lợi;

b) Không có điện;

c) Không có nước sạch;

d) Không có dịch vụ ăn uống;

đ) Không có dịch vụ mua sắm;

e) Không phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp xảy ra rủi ro đối với khách du lịch.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về điều kiện công nhận điểm du lịch, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyết định công nhận điểm du lịch từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, c, d và đ Khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại điểm c Khoản 2, điểm e Khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại quyết định công nhận điểm du lịch đối với hành vi quy định tại điểm g Khoản 2 Điều này.

Điều 16. Vi phạm quy định về quản lý khu du lịch

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có nội quy, hệ thống biển chỉ dẫn, thuyết minh về khu du lịch;

b) Không công khai số điện thoại, địa chỉ của tổ chức, cá nhân quản lý điểm du lịch;

c) Không có hệ thống biển chỉ dẫn, biển báo về giao thông, các cơ sở dịch vụ, các điểm tham quan;

d) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có hình thức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của khách du lịch;

b) Không giải quyết kịp thời phản ánh, kiến nghị của khách du lịch;

c) Không có bộ phận thông tin hỗ trợ khách du lịch;

d) Không có nhà vệ sinh công cộng sạch sẽ, được thông gió và đủ ánh sáng, được bố trí đủ tương ứng với số lượng khách du lịch vào thời kỳ cao điểm;

đ) Không có bộ phận bảo vệ trực 24 giờ mỗi ngày;

e) Không tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch đến tham quan;

g) Không quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch trong phạm vi quản lý.

h) Không có bộ phận cứu hộ, cứu nạn;

i) Không cung cấp dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch;

g) Kê khai không trung thực hồ sơ đề nghị công nhận khu du lịch.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có hệ thống điện lưới;

b) Không có hệ thống cung cấp nước sạch;

c) Không có cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định;

d) Không có cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch theo quy định;

đ) Không có hệ thống cơ sở lưu trú du lịch theo quy định;

e) Không có kết nối hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia;

g) Không phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp xảy ra rủi ro đối với khách du lịch.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về điều kiện công nhận khu du lịch, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyết định công nhận khu du lịch từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 3 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm d Khoản 2 và điểm g Khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại quyết định công nhận khu du lịch đối với hành vi quy định tại điểm g Khoản 2 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về kinh doanh vận tải khách du lịch bằng đường bộ

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo về phương tiện vận tải khách du lịch;

b) Không có bảng hướng dẫn cho khách du lịch về an toàn giao thông và thoát hiểm khi xảy ra sự cố theo quy định;

c) Không có hoặc không mang theo danh sách hành khách theo quy định hoặc chở người không có tên trong danh sách hành khách;

d) Không có hoặc không mang theo hợp đồng vận chuyển theo quy định hoặc có hợp đồng vận chuyển nhưng không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không có điều hòa nhiệt độ;

b) Không có thùng chứa đồ uống;

c) Không có dụng cụ y tế sơ cấp cứu, túi thuốc dự phòng;

d) Không có dụng cụ thoát hiểm;

đ) Không niêm yết tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của lái xe;

e) Không có rèm cửa chống nắng;

g) Không có bảng hướng dẫn an toàn;

h) Không có thùng đựng rác;

i) Không có micro;

k) Không có nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch;

l) Không có vị trí dành cho người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định;

m) Không gắn biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch theo quy định;

n) Không đảm bảo tiêu chuẩn đối với nhân viên phục vụ theo quy định;

o) Không đảm bảo tiêu chuẩn đối với lái xe theo quy định;

p) Không gắn thiết bị giám sát hành trình theo quy định.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vận tải khách du lịch không theo hợp đồng với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, với khách du lịch theo hành trình, tuyến đường phù hợp;

b) Không mua bảo hiểm cho khách du lịch theo phương tiện vận tải;

c) Không có Giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định;

d) Kê khai không trung thực hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng biển hiệu vận tải khách du lịch trong thời gian từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm c Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gắn biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm m Khoản 2 Điều này;

b) Buộc bồi thường thiệt hại cho khách du lịch do thực hiện hành vi quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này;

c) Buộc gắn thiết bị giám sát hành trình theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm p Khoản 2 Điều này;

d) Buộc nộp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch đối với hành vi quy định tại điểm d Khoản 3 Điều này.

Điều 18. Vi phạm quy định về kinh doanh vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo về phương tiện vận tải khách du lịch;

b) Không có nội quy an toàn hoặc không phổ biến nội quy an toàn;

c) Không có bảng hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị cứu sinh, cứu đắm và số điện thoại, địa chỉ các cơ quan tìm kiếm cứu nạn để tại vị trí ghế ngồi của khách du lịch;

d) Không có hoặc không mang theo danh sách hành khách theo quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không trang bị đủ số lượng áo phao cho khách du lịch trên tàu theo quy định;

b) Không có biểu đồ hành trình tuyến du lịch;

c) Không có thùng chứa đồ uống;

d) Không có thùng đựng rác;

đ) Không có dụng cụ chống nắng;

e) Không có micro;

g) Không có tủ thuốc và các dụng cụ sơ cứu, cứu nạn theo danh mục quy định;

h) Không có mái che;

i) Không có rèm cửa chống nắng.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Khu vực dịch vụ ăn uống và khu chế biến không đảm bảo quy định;

b) Không có điều hòa nhiệt độ hoặc quạt mát tương ứng với số khách du lịch được vận chuyển;

c) Không có phòng vệ sinh;

d) Không gắn biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch theo quy định;

đ) Không có hợp đồng vận chuyển theo quy định;

e) Không đảm bảo tiêu chuẩn đối với nhân viên phục vụ theo quy định;

g) Không đảm bảo tiêu chuẩn đối với người điều khiển và thuyền viên theo quy định;

h) Không lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động - AIS khi hoạt động trên tuyến từ bờ ra đảo hoặc giữa các đảo theo quy định của pháp luật;

i) Giao người đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó mà không có bằng, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hoặc có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng nhưng không phù hợp với loại phương tiện theo quy định;

k) Giao người không có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hoặc chứng chỉ lái phương tiện điều khiển phương tiện; có bằng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hoặc chứng chỉ lái phương tiện nhưng không phù hợp với loại phương tiện theo quy định.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Vận tải khách du lịch không theo hợp đồng với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành, với khách du lịch theo hành trình, tuyến đường phù hợp;

b) Không mua bảo hiểm cho khách du lịch theo phương tiện vận tải;

c) Không có Giấy chứng nhận đăng ký hoặc không có giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

d) Kê khai không trung thực hồ sơ đề nghị cấp, cấp đổi, cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng biển hiệu vận tải khách du lịch trong thời gian từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi quy định tại điểm a và điểm c Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc gắn biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch theo quy định đối với hành vi quy định tại điểm d Khoản 3 Điều này;

b) Buộc bồi thường thiệt hại cho khách du lịch do thực hiện hành vi quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này;

c) Buộc lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động - AIS khi hoạt động trên tuyến từ bờ ra đảo hoặc giữa các đảo theo quy định của pháp luật đối với hành vi quy định tại điểm h Khoản 3 Điều này;

d) Buộc nộp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch đối với hành vi quy định tại điểm d Khoản 3 Điều này.

CHƯƠNG III

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 19. Thẩm quyền của cơ quan Thanh tra chuyên ngành

1. Thanh tra viên đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Chánh Thanh tra cấp Sở, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp sở có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, thẻ hướng dẫn viên du lịch, quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch, quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, quyết định công nhận điểm du lịch, khu du lịch có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành cấp bộ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, thẻ hướng dẫn viên du lịch, quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch, quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, quyết định công nhận điểm du lịch, khu du lịch có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra cấp bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, thẻ hướng dẫn viên du lịch, quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch, quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, quyết định công nhận điểm du lịch, khu du lịch có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 20. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, thẻ hướng dẫn viên du lịch, quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch, quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, quyết định công nhận điểm du lịch, quyết định công nhận khu du lịch có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, thẻ hướng dẫn viên du lịch, quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch, quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, quyết định công nhận điểm du lịch, quyết định công nhận khu du lịch có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 21. Thẩm quyền của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, đội trưởng của người được quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát đường thủy, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng An ninh kinh tế có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, thẻ hướng dẫn viên du lịch, quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch, quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, quyết định công nhận điểm du lịch, quyết định công nhận khu du lịch có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 4 Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, thẻ hướng dẫn viên du lịch, quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch, quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, quyết định công nhận điểm du lịch, quyết định công nhận khu du lịch có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế tổng hợp, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ, đường sắt, Cục trưởng Cục Cảnh sát đường thủy, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật vi phạm;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành, thẻ hướng dẫn viên du lịch, quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch, quyết định công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch, quyết định công nhận điểm du lịch, quyết định công nhận khu du lịch có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 22. Thẩm quyền của Quản lý thị trường

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, biển hiệu cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

3. Chi Cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công thương có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, biển hiệu cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

4. Tổng cục trưởng Tổng Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng quyết định công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch, biển hiệu cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 23. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra và Quản lý thị trường

1. Những người có thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại các điều 9, 10, 11 và 12 Nghị định này.

2. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thanh tra Du lịch có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này.

3. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Giao thông Vận tải có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều 17 và Điều 18 Nghị định này.

4. Những người có thẩm quyền xử phạt của Thanh tra Lao động - Thương binh và Xã hội có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b Khoản 3, điểm c Khoản 4, điểm e Khoản 6 Điều 6; hành vi không có hợp đồng lao động với doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hoặc doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 8 Nghị định này.

Điều 24. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

Các chức danh quy định tại các điều 19, 20, 21 và 22 Nghị định này và công chức đang thi hành nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch thì được quyền lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ..... tháng .....năm 2018.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Mục 3 Chương II Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo và Khoản 29, Khoản 30, Khoản 31, Khoản 32, Khoản 33, Khoản 34, Khoản 35, Khoản 36, Khoản 37, Khoản 38, Khoản 39, Khoản 40 và Khoản 41 Điều 2 Nghị định số 28/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm

2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan và Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo hết hiệu lực.

Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với những hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới được phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (5b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc